

Số: 03.2026/NQ-HĐQT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 05 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

Về thông qua việc vay vốn, thế chấp tài sản tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam –
Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN
VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ HÀNG HẢI**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

*Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Hàng
Hải;*

*Căn cứ Biên bản họp Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Hàng
Hải số 03.2026/BBH-HĐQT ngày 26/05/2026.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1.

1. Thông qua kế hoạch kinh doanh 12 tháng tới và giao Người đại diện theo pháp luật của Công ty quyết định phương án kinh doanh hàng năm của Công ty theo phương án sử dụng vốn số 01.2026/PA-TRS ngày 26/05/2026.

2. Thông qua việc vay vốn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là “Ngân hàng”) để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty với các nội dung cơ bản như sau:

a) Cấp tín dụng cho Công ty với hạn mức tín dụng ngắn hạn quy Việt Nam đồng là:
50.000.000.000 VND (Bằng chữ: Năm mươi tỷ đồng). Trong đó:

- Hạn mức vay ngắn hạn: **50.000.000.000 VND** (Bằng chữ: Năm mươi tỷ đồng);
- Hạn mức bảo lãnh ngắn hạn: **50.000.000.000 VND** (Bằng chữ: Năm mươi tỷ đồng);
- Hạn mức phát hành thư tín dụng (L/C) ngắn hạn: **50.000.000.000 VND** (Bằng chữ: Năm mươi tỷ đồng);
- Hạn mức thế tín dụng: **2.000.000.000 VND** (Bằng chữ: Hai tỷ đồng).

b) Mục đích vay là: Tài trợ các nhu cầu tín dụng ngắn hạn hợp pháp, hợp lý, hợp lệ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh theo kế hoạch kinh doanh của Công ty nhưng không bao gồm nhu cầu ngắn hạn phục vụ cho các hoạt động đầu tư tài sản cố định.

c) Thời gian duy trì hạn mức cấp tín dụng: 12 tháng kể từ ngày ký Hợp đồng tín dụng và tối đa thêm 3 tháng nếu được Ngân hàng chấp thuận gia hạn.

d) Thời gian cấp tín dụng là:

- Hạn mức vay ngắn hạn: Tối đa 05 tháng cho từng lần nhận nợ vay.



- Hạn mức phát hành bảo lãnh ngắn hạn: tối đa 12 tháng.
- Hạn mức phát hành L/C ngắn hạn: tối đa 12 tháng.
- Hạn mức phát hành thẻ tín dụng công ty: tối đa 12 tháng.

e) Biện pháp bảo đảm là:

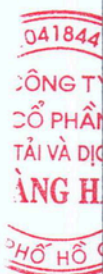
- Thế chấp tài sản thuộc quyền sở hữu và/hoặc sử dụng hợp pháp của Công ty bao gồm nhưng không giới hạn cụ thể như sau: Tài sản là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, giấy tờ có giá, số dư trên tài khoản tiền gửi và các tài sản khác.
- Thế chấp tài sản thuộc quyền sở hữu và/hoặc quyền sử dụng hợp pháp của Bên thứ ba bao gồm nhưng không giới hạn cụ thể như sau: Tài sản là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, giấy tờ có giá, số dư trên tài khoản tiền gửi và các tài sản khác.
- Hoặc đề nghị Ngân hàng cấp tín dụng không có tài sản đảm bảo cho Công ty.

Trong đó, tài sản thế chấp hiện tại như sau:

Trong đó, tài sản thế chấp hiện tại cụ thể như sau:

- Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 1118, tờ bản đồ số 1, địa chỉ: 106 Đường Đồng Văn Cống, Phường Cát Lái, Thành phố Hồ Chí Minh. Tài sản thuộc quyền sở hữu và/hoặc sử dụng hợp pháp của Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Hàng Hải;
- Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 1119, tờ bản đồ số 1, địa chỉ: 108 Đường Đồng Văn Cống, Phường Cát Lái, Thành phố Hồ Chí Minh. Tài sản thuộc quyền sở hữu và/hoặc sử dụng hợp pháp của Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Hàng Hải;
- Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 1120, tờ bản đồ số 1, địa chỉ: 110 Đường Đồng Văn Cống, Phường Cát Lái, Thành phố Hồ Chí Minh. Tài sản thuộc quyền sở hữu và/hoặc sử dụng hợp pháp của Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Hàng Hải;
- Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 1121, tờ bản đồ số 1, địa chỉ: 112 Đường Đồng Văn Cống, Phường Cát Lái, Thành phố Hồ Chí Minh. Tài sản thuộc quyền sở hữu và/hoặc sử dụng hợp pháp của Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Hàng Hải.
- Các tài sản bảo đảm khác (nếu có).

Điều 2. Giao Người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Hàng Hải tổ chức thực hiện các nội dung đã được Hội đồng quản trị thông qua nêu trên và thực hiện thủ tục để ký kết thỏa thuận, hợp đồng và các văn bản có liên quan với Ngân hàng phù hợp với quy định của pháp luật.



Người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Hàng Hải được phép lập văn bản để ủy quyền lại cho người khác ký một hoặc nhiều nội dung tại **Điều 1** nêu trên. Người được ủy quyền lại không được ủy quyền cho bất kỳ ai.

Điều 3. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký cho đến khi Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Hàng Hải thực hiện xong các nghĩa vụ với Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh.

Nơi nhận:

- HĐQT;
- VCB HCM (để biết);
- Lưu văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



ĐỖ VĂN MƯỜI



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG VỐN

Số: 01.2026/PA-TRS

Kính gửi: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh

Chúng tôi là:	CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ HÀNG HẢI
Địa chỉ trụ sở chính:	106-112 Đồng Văn Cống, Phường Cát Lái, Thành phố Hồ Chí Minh
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:	0304184415 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24/01/2006, thay đổi lần thứ 30 ngày 19/11/2025
Người đại diện theo pháp luật:	Ông Đỗ Văn Mười Chức vụ: Chủ tịch hội đồng quản trị
Căn cước công dân số	do Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về Trật tự xã hội cấp ngày
Tài khoản đồng Việt Nam (nếu có) số:	0071000355963 tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh.
Tài khoản ngoại tệ (nếu có) số:	0071370355973 tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh.
<i>Sau đây gọi tắt là “Khách hàng”</i>	

Khách hàng cung cấp cho Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (*sau đây gọi tắt là “**Ngân hàng**”*) phương án vay vốn theo các nội dung sau:

A - TÓM TẮT TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH, SẢN XUẤT, KINH DOANH

1. Tình hình tài chính đến ngày 31 tháng 12 năm 2025: (*Đơn vị tính: Triệu đồng*)

STT	Chỉ tiêu	31/12/2025
1	Vốn chủ sở hữu	305.570
2	Nợ phải thu ngắn hạn	182.592
3	Nợ phải thu của Khách hàng	84.895
4	Hàng tồn kho	121.015
5	Nợ phải trả	321.507

2. Tình hình sản xuất và kinh doanh đến ngày 31 tháng 12 năm 2025: (*Đơn vị tính: Triệu đồng*)

STT	Chỉ tiêu	Năm 2025
1	Tổng doanh thu	1.138.742
2	Doanh thu thuần	1.134.428
3	Lợi nhuận sau thuế	51.137

- Mặt hàng/lĩnh vực kinh doanh chính: thương mại hàng hóa nhập khẩu từ nước ngoài và cung cấp các dịch vụ vận tải, kho bãi, vận chuyển cho các đối tác trong nước.
- Thị trường, tình hình tiêu thụ: tiêu thụ trong nước, tình hình tiêu thụ ổn định.

3. Tài sản bảo đảm của khách hàng tại các TCTD khác:

- Thửa đất 186, tờ bản đồ số 37, Khu Phố Phước Thạnh, Phường Nhơn Trạch, Thành Phố Đồng Nai;

- Quyền sử dụng đất tại địa chỉ DT 743C Lái Thiêu Dĩ An, Phường Bình Hòa, Thành Phố Hồ Chí Minh;
 - Phương tiện vận tải hình thành từ vốn vay;
 - Máy móc thiết bị.
4. Các thông tin cụ thể khác xác định theo báo cáo tài chính năm, kế hoạch kinh doanh, kế hoạch đầu tư (nếu cần), kế hoạch tài chính (nếu có) kèm theo Phương án sử dụng vốn này.
- Báo cáo tài chính năm 2025 là báo cáo tài chính kiểm toán.
 - Chi tiết các khoản mục Phải thu khách hàng, Hàng tồn kho, Phải trả người bán năm 2025.

B - TÓM TẮT VỀ PHƯƠNG ÁN VAY VỐN

1. Tổng số tiền vay quy đồng Việt Nam là: **50.000.000.000 VND** (Bằng chữ: Năm mươi tỷ đồng).
 - Hạn mức vay ngắn hạn: **50.000.000.000 VND** (Bằng chữ: Năm mươi tỷ đồng);
 - Hạn mức bảo lãnh ngắn hạn: **50.000.000.000 VND** (Bằng chữ: Năm mươi tỷ đồng);
 - Hạn mức phát hành thư tín dụng ngắn hạn: **50.000.000.000 VND** (Bằng chữ: Năm mươi tỷ đồng);
 - Hạn mức thế tín dụng: **2.000.000.000 VND** (Bằng chữ: Hai tỷ đồng).
2. Mục đích vay: Tài trợ các nhu cầu tín dụng ngắn hạn hợp pháp, hợp lý, hợp lệ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh theo kế hoạch kinh doanh của Công ty nhưng không bao gồm nhu cầu ngắn hạn phục vụ cho các hoạt động đầu tư tài sản cố định.
3. Tổng nguồn vốn cần sử dụng và Cơ cấu nguồn vốn thực hiện phương án:

(Đơn vị: Triệu đồng)

Nguồn vốn	Số tiền	Tỷ lệ %
Vốn tự có	79.799	17,0%
Vốn huy động khác	339.492	72,3%
Vốn vay tại VCB	50.000	10,7%
Tổng số vốn	469.292	100,0%

4. Thời hạn vay:
 - Thời hạn vay trên từng giấy nhận nợ: Tối đa 05 tháng cho từng lần nhận nợ vay.
 - Thời hạn duy trì hạn mức cấp tín dụng: 12 tháng kể từ ngày ký Hợp đồng tín dụng và tối đa thêm 03 tháng nếu được Ngân hàng chấp thuận gia hạn.
5. Phương thức cho vay: vay độc lập
6. Lãi suất vay theo đề nghị: Theo lãi suất thỏa thuận tại thời điểm Công ty nhận nợ.
7. Biện pháp bảo đảm khoản vay:
 - Thế chấp/cầm cố tài sản là:
 - Thế chấp tài sản thuộc quyền sở hữu và/hoặc sử dụng hợp pháp của **Công ty** bao gồm nhưng không giới hạn cụ thể như sau: Tài sản là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, giấy tờ có giá, số dư trên tài khoản tiền gửi và các tài sản khác.
 - Thế chấp tài sản thuộc quyền sở hữu và/hoặc quyền sử dụng hợp pháp của **Bên thứ ba** bao gồm nhưng không giới hạn cụ thể như sau: Tài sản là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, giấy tờ có giá, số dư trên tài khoản tiền gửi và các tài sản khác.

- Hoặc đề nghị Ngân hàng cấp tín dụng không có tài sản đảm bảo cho Công ty.

Trong đó, tài sản thế chấp hiện tại như sau:

- Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 1118, tờ bản đồ số 1, địa chỉ: 106 Đường Đồng Văn Cống, Phường Cát Lái, Thành phố Hồ Chí Minh. Tài sản thuộc quyền sở hữu và/hoặc sử dụng hợp pháp của Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Hàng Hải;
- Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 1119, tờ bản đồ số 1, địa chỉ: 108 Đường Đồng Văn Cống, Phường Cát Lái, Thành phố Hồ Chí Minh. Tài sản thuộc quyền sở hữu và/hoặc sử dụng hợp pháp của Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Hàng Hải;
- Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 1120, tờ bản đồ số 1, địa chỉ: 110 Đường Đồng Văn Cống, Phường Cát Lái, Thành phố Hồ Chí Minh. Tài sản thuộc quyền sở hữu và/hoặc sử dụng hợp pháp của Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Hàng Hải;
- Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 1121, tờ bản đồ số 1, địa chỉ: 112 Đường Đồng Văn Cống, Phường Cát Lái, Thành phố Hồ Chí Minh. Tài sản thuộc quyền sở hữu và/hoặc sử dụng hợp pháp của Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Hàng Hải.
- Các tài sản bảo đảm khác (nếu có).

8. Hiệu quả của phương án vay:

Kế hoạch kinh doanh năm 2025

Đơn vị tính: Triệu đồng

Hạng mục	Thực hiện năm 2025	Kế hoạch dự kiến 12 tháng tới	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)
Doanh thu (theo sản phẩm, dịch vụ)	1.134.428	1.185.000	100,0%
- Thương mại	878.516	912.121	77,0%
- Cước vận chuyển quốc tế	5.317	5.583	0,5%
- Cước vận chuyển nội địa	66.420	71.069	6,0%
- Thuê kho	94.790	102.373	8,6%
- Phí dịch vụ khác	89.385	93.854	7,9%
- Thương mại	1.134.428	1.185.000	100,0%
- Cước vận chuyển quốc tế	878.516	912.121	77,0%
- Cước vận chuyển nội địa	5.317	5.583	0,5%
- Thuê kho	66.420	71.069	6,0%
- Phí dịch vụ khác	94.790	102.373	8,6%

STT	Hạng mục	Thực hiện năm 2025	Kế hoạch dự kiến 12 tháng tới	
			Giá trị	Tỷ trọng (%)
1	Doanh thu thuần	1.134.428	1.185.000	100,0%
2	Giá vốn hàng bán	976.966	1.017.023	85,8%
3	Lợi nhuận gộp	157.462	167.977	14,2%
4	Doanh thu tài chính	2.119	2.200	0,2%
5	Chi phí tài chính	7.955	8.173	0,7%
	- Trong đó: Chi phí lãi vay	3.618	3.800	0,3%
6	Chi phí bán hàng	49.521	48.079	4,1%
7	Chi phí quản lý doanh nghiệp	75.450	73.725	6,2%
8	Lợi nhuận thuần từ HĐKD	26.655	40.200	3,4%
9	Thu nhập khác	37.386	9.400	0,8%
10	Chi phí khác	88	100	0,0%
11	Chi phí khấu hao	17.293	17.000	1,4%
12	Lợi nhuận khác	37.298	9.300	0,8%
13	Lợi nhuận trước thuế	63.953	49.500	4,2%
14	Lợi nhuận sau thuế	51.137	39.600	3,3%

Nhu cầu vốn lưu động năm 2025

Tổng nhu cầu vốn <i>Tổng chi phí - Khấu hao - Lãi vay</i>	1.126.300	triệu đồng
Số vòng quay VLD kế hoạch	2,4	vòng/năm
Nhu cầu vốn lưu động cần thiết	469.292	100%
Trong đó:		
+ Vốn đề nghị vay VCB	50.000	10,7%
+ Vốn tự có	79.799	17,0%
+ Vốn huy động khác	339.492	72,3%

9. Kế hoạch trả nợ:

9.1. Nguồn trả nợ: toàn bộ **lợi nhuận và doanh thu** từ hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Hàng Hải.

9.2. Kế hoạch trả nợ vay:

- Trả nợ gốc (cuối kỳ/từng lần/kỳ): **cuối kỳ** hoặc trả nợ trước hạn khi dòng tiền kinh doanh về sớm hơn dự kiến.
- Trả lãi tiền vay: **vào ngày 26 hàng tháng.**

C - NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA KHÁCH HÀNG

1. Thông tin về người có liên quan của Khách hàng (nếu có) được Khách hàng cung cấp cho Ngân hàng theo Phụ lục kèm theo Phương án sử dụng vốn này.
2. Phụ lục thông tin về người có liên quan của Khách hàng là một bộ phận không thể tách rời của Phương án sử dụng vốn này.

D - CAM ĐOAN VÀ CAM KẾT

Với mọi trách nhiệm thuộc về mình, Khách hàng cam đoan và cam kết với Ngân hàng như sau:

1. Các thông tin, tài liệu, báo cáo tài chính và thông tin về người có liên quan cung cấp cho Ngân hàng là chính xác, còn hiệu lực, cập nhật, phản ánh đúng sự thật; cung cấp thông tin, hồ sơ trung thực, kịp thời, đầy đủ cho Ngân hàng nếu thay đổi thông tin, hoặc để để xác minh các yếu tố liên quan khi Ngân hàng có yêu cầu.
2. Việc ký kết, thực hiện các thủ tục vay vốn tại Ngân hàng không vi phạm quy định của pháp luật, quy định nội bộ của Khách hàng cũng như các cam kết, thỏa thuận giữa Khách hàng và bất kỳ chủ thể nào khác.
3. Thực hiện kịp thời, đầy đủ các quy định của Ngân hàng và quy định của pháp luật trong quá trình vay vốn tại Ngân hàng.
4. Sử dụng vốn vay đúng mục đích theo cam kết, thỏa thuận với Ngân hàng; trả đầy đủ, đúng hạn nợ gốc, lãi tiền vay, phí và nghĩa vụ tài chính khác (nếu có) theo cam kết, thỏa thuận với Ngân hàng.
5. Tài sản bảo đảm cho khoản cấp tín dụng tại Ngân hàng (nếu có) được hình thành hợp pháp, hợp lệ, không có tranh chấp, và thuộc sở hữu, sử dụng hợp pháp của Bên Bảo Đảm.
6. Nguồn tiền của phần vốn tự có, các bên tham gia vào phương án sử dụng vốn; nguồn tiền dùng để thực hiện nghĩa vụ trả nợ, nghĩa vụ tài chính khác là hợp pháp, đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật và quy định của Ngân hàng về phòng, chống rửa tiền, chống tài trợ khủng bố, chống tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt, tuân thủ cấm vận.
7. Hoàn thành đầy đủ nghĩa vụ thuế và nghĩa vụ tài chính khác (nếu có) với Nhà nước tính đến thời điểm vay vốn.
8. Đồng ý để Ngân hàng tra cứu thông tin về Khách hàng tại các bên thứ ba liên quan; xác thực các thông tin về Khách hàng từ bất kỳ nguồn thông tin nào mà Ngân hàng có được để phục vụ mục đích thẩm định. Ngân hàng có quyền sử dụng các thông tin về Khách hàng và các khoản vay của Khách hàng bao gồm cả các thông tin từ các văn bản, tài liệu do Khách hàng cung cấp; Các hợp đồng, văn bản mà Khách hàng ký kết với Ngân hàng để cung cấp cho các Đơn vị có chức năng cung cấp dịch vụ thông tin tín dụng và/hoặc đánh giá tín nhiệm hoạt động hợp pháp tại Việt Nam, hoặc cung cấp cho các đối tác hợp tác với Ngân hàng để phát triển, cung cấp các sản phẩm, dịch vụ của Ngân hàng.
9. Đã đọc kỹ, hiểu rõ và hoàn toàn tự nguyện tham gia ký kết, thực hiện thủ tục vay vốn tại Ngân hàng. Nếu vi phạm bất kỳ cam kết nào nêu trên, Khách hàng cam kết chịu trách nhiệm bồi thường cho Ngân hàng.

Các tài liệu đính kèm:

- BCTC kiểm toán 2025;
- Chi tiết hàng tồn kho, phải thu, phải trả năm 2025.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 05 năm 2026

Người đại diện hợp pháp của Khách hàng

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu nếu có)



**CHỦ TỊCH HĐQT
ĐỖ VĂN MƯỜI**

PHỤ LỤC
THÔNG TIN VỀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA KHÁCH HÀNG
THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VÀ CỦA VCB

(Kèm theo Phương án sử dụng vốn số 01.2026/PA-TRS ngày 25/05/2026)

Thông tin về người có liên quan của Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Hàng Hải (sau đây gọi tắt là “Khách hàng”) bao gồm¹:

	Phân loại người có liên quan của Khách hàng	Tên tổ chức/ cá nhân	Mã số thuế/ Số ĐKKD/ Mã số DN (với tổ chức) CMND/CCCD/Hộ chiếu² (với cá nhân)	Địa chỉ trụ sở chính (với tổ chức) Địa chỉ cư trú (với cá nhân)	Quan hệ với Khách hàng³
<input type="checkbox"/>	Công ty mẹ ⁴ của Khách hàng.				
<input type="checkbox"/>	Công ty con của Khách hàng.				
<input type="checkbox"/>	Đơn vị phụ thuộc của Khách hàng.				
<input type="checkbox"/>	Công ty khác có cùng Công ty mẹ với Khách hàng.				
<input checked="" type="checkbox"/>	Tổ chức, cá nhân sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết của Khách hàng.	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Hợp tác đầu tư Giao thông Vận tải (Tracimexco)			Thành viên góp vốn. Tỷ lệ vốn góp: 16,12%
		Nguyễn Văn Quý			Thành viên góp vốn. Tỷ lệ vốn góp: 20,04%
		Trần Việt Huy			Thành viên góp vốn. Tỷ lệ vốn góp: 16,95%
		Đỗ Văn Mười			Thành viên góp vốn. Tỷ lệ vốn góp: 16,95%
<input type="checkbox"/>	Cá nhân được ủy quyền đại diện phần vốn góp, cổ phần cho Khách hàng.				
<input type="checkbox"/>	Tổ chức mà Khách hàng sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên.				
<input type="checkbox"/>	Người quản lý, thành viên Ban kiểm soát của Công ty mẹ của Khách hàng.				

¹ Đánh dấu, ghi nội dung tương ứng vào ô thích hợp và bỏ ô không thích hợp

² Kê khai toàn bộ các Giấy tờ định danh (CCCD/CMT/Hộ Chiếu).

³ Ghi tỷ lệ góp vốn, quan hệ điều hành, kiểm soát, quan hệ khác ...

⁴ Một công ty được coi là công ty mẹ của công ty khác nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây: (i) Sở hữu trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần phổ thông của công ty đó; (ii) Có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp quyết định bổ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc của công ty đó; (iii) Có quyền quyết định việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của công ty đó.

<input type="checkbox"/>	Cá nhân hoặc tổ chức có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý, thành viên Ban kiểm soát của Công ty mẹ của Khách hàng.				
<input type="checkbox"/>	Người quản lý, thành viên Ban kiểm soát của Khách hàng.				
<input type="checkbox"/>	Công ty, tổ chức có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý, thành viên Ban kiểm soát của Khách hàng.				
<input type="checkbox"/>	Công ty con mà Khách hàng có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý, thành viên Ban kiểm soát Công ty mẹ.				
	Công ty, tổ chức mà Khách hàng có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý, thành viên Ban kiểm soát.				
<input type="checkbox"/>	Người có quan hệ gia đình ⁵ của Người quản lý của Khách hàng.				
<input type="checkbox"/>	Người có quan hệ gia đình của thành viên Ban kiểm soát của Khách hàng.				
<input type="checkbox"/>	Người có quan hệ gia đình của thành viên góp vốn hoặc cổ đông sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của Khách hàng.				
<input type="checkbox"/>	Công ty có thành viên góp vốn hoặc cổ đông sở hữu trên 50% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên là Người có quan hệ gia đình của thành viên góp vốn hoặc cổ đông sở hữu trên 50% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của Khách hàng.				
<input type="checkbox"/>	Công ty có cá nhân hoặc nhóm cá nhân có mối quan hệ gia đình là thành viên góp vốn hoặc cổ đông sở hữu trên 50% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên đồng thời là thành viên góp vốn hoặc cổ đông sở hữu trên 50% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của Khách hàng.				

⁵ Người có quan hệ gia đình bao gồm: vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu, anh ruột của vợ, anh ruột của chồng, chị ruột của vợ, chị ruột của chồng, em ruột của vợ, em ruột của chồng.

PHỤ LỤC THÔNG TIN

(Kèm theo Phương án sử dụng vốn số 01.2026/PA-TRS ngày 25/05/2026)

A/ Thông tin phi tài chính:

1. Danh sách cổ đông góp vốn:

STT	Tên cá nhân/ tổ chức (người đại diện)	Số CMND (số ĐKSH)	Ngày cấp	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ (%)
1	Công ty CP XNK và Hợp tác đầu tư GTVT			1.213.292	16,12%
2	Đỗ Văn Mười			1.275.140	16,94%
3	Nguyễn Văn Quý			1.507.674	20,03%
4	Trần Việt Huy			1.275.172	16,94%
5	Các cổ đông nắm giữ dưới 5% vốn điều lệ			2.252.756	29,94%
	Tổng cộng			7.524.034	100,00%

2. Đất đai nhà xưởng kho bãi

#	Hạng mục	Vị trí	Diện tích (ha/m ²)	Năm đưa vào sử dụng	Sở hữu/ Đi thuê	Đã thế chấp
1.	Trụ sở Công ty	Phường Cát Lái, TP.HCM	DT đất: 473.6 m ²	2025	Sở hữu của Công ty	Đã thế chấp VCB
2.	Văn phòng cho thuê	34 Nguyễn Thị Nghĩa, Phường Bến Thành, TP HCM	DT đất: 103,1 m ² DTSD: 538,47 m ²	2012	Sở hữu của Công ty	Đã thế chấp VCB
3.	Trung tâm kho vận Bình Dương	6/4 Đường DT743, Phường Bình Hòa, TP Hồ Chí Minh	DT đất: 9.814,7 m ² DTSD: 9.554,3 m ²	2014	Sở hữu của Công ty	Đã thế chấp MB
4.	Kho Đồng Nai	KCN Nhơn Trạch, TP Đồng Nai	DT đất: 16.818 m ²	Tháng 3/2021	Sở hữu của Công ty	Đã thế chấp Sacombank

3. Máy móc thiết bị:

#	Hạng mục	Xuất xứ	Quy mô, công suất	Năm đưa vào sử dụng	Sở hữu/ Đi thuê	Đã thế chấp
1.	Xe đầu kéo: 22 chiếc	Mỹ	Cont 20', cont 40'	2018->2024	Sở hữu	Không thế chấp
2.	Somi Romooc: 43 chiếc	Việt Nam	Cont 20', cont 40'	2018->2024	Sở hữu	Không thế chấp
3.	Xe tải nhẹ: 23 chiếc	Việt Nam	1 tấn -> 8 tấn	2019->2024	Sở hữu	Không thế chấp
4.	Ô tô 7 chỗ: 3 chiếc, Ô tô 5 chỗ: 1 chiếc	Đức, Nhật		2015	Sở hữu	Không thế chấp

4. Các nhà cung cấp chính:

#	Nhà cung cấp	Nguyên, nhiên, vật liệu, đầu vào khác	Tỷ trọng chi phí (%)	Phương thức giao hàng, thanh toán
1.	Starbucks Corporation	Thực phẩm, nước giải khát các loại...	18,9%	CIF, TTR sau 30 ngày
2.	Havi GS Asia Pacific	Thực phẩm, nước giải khát các loại	12,5%	CIF, TTR sau 90 ngày
3.	NEWLY WEDS FOODS (THAILAND) LIMITED	Bột, gia vị thực phẩm	10,9%	Trả chậm 30 ngày
4.	CELEBI TECH JSC	Thiết bị điện tử	7,7%	Thanh toán T/T
5.	YIWU HUXI TRADING CO., LTD.	Hàng tiêu dùng	7,4%	Thanh toán T/T

5. Các bên tiêu thụ:

#	Bên tiêu thụ	Sản phẩm	Tỷ trọng doanh thu (%)	Phương thức giao hàng, thanh toán
1.	Công ty TNHH Thực Phẩm & Nước Giải Khát Ý Tưởng Việt	Thực phẩm, nước giải khát các loại	20,3%	Trả chậm 30 ngày
2.	Good Day Hospitality Joint Stock Company	Thực phẩm đông lạnh, nước giải khát các loại	12,4%	Trả chậm 30 ngày
3.	DONG MART	Hàng tiêu dùng, mỹ phẩm, văn phòng phẩm	8,6%	Trả chậm 7 ngày
4.	PRIME NET (S) PTE, LTD	Thiết bị điện tử	7,7%	Thanh toán T/T
5.	SIEMENS HEALTHCARE LIMITED COMPANY	Dịch vụ khai thuê Hải quan	5,5%	Thanh toán T/T

6. Bộ máy ban lãnh đạo:

Chức vụ	Họ tên	Lĩnh vực quản lý	Năm sinh	Trình độ	Kinh nghiệm	Thời gian bổ nhiệm	Kinh nghiệm chuyên môn
Chủ tịch HĐQT kiêm GĐTC	Đỗ Văn Mười	Tài chính – Kế toán		Cao học	>20 năm	2020	Tài chính – kế toán
Thành viên HĐQT kiêm GĐĐH	Nguyễn Văn Quý	Điều hành		Đại học	>20 năm	2020	Vận tải Hàng hải
Thành viên HĐQT kiêm TGĐ	Trần Việt Huy	Điều hành		Cao học	>20 năm	2018	Vận tải Hàng hải
Giám đốc nghiệp vụ	Hồ Trọng Bình	Nghiệp vụ		Cao học	>20 năm	2020	Vận tải Hàng hải

B/ Thông tin tài chính:

1. Cơ cấu doanh thu, giá vốn, lợi nhuận:*(Đơn vị tính: triệu đồng)***Năm 2023**

#	Sản phẩm dịch vụ	Năm 2023		
		Doanh thu	Giá vốn	Lợi nhuận gộp
1	Thương mại	776.023,91	750.779,11	25.244,80
2	Cước vận chuyển quốc tế	19.572,98	15.435,46	4.137,52
3	Cước vận chuyển nội địa	67.589,42	46.408,05	21.181,37
4	Thuê kho	28.169,71	20.612,37	7.557,34
5	Phí dịch vụ khác	120.936,43	45.940,01	74.996,42
	Tổng cộng	1.012.292,45	879.174,99	133.117,45

Năm 2024

#	Sản phẩm dịch vụ	Năm 2024		
		Doanh thu	Giá vốn	Lợi nhuận gộp
1	Thương mại	848.094,34	808.035,00	40.059,34
2	Cước vận chuyển quốc tế	4.132,67	2.845,57	1.287,10
3	Cước vận chuyển nội địa	67.368,83	45.645,86	21.722,97
4	Thuê kho	87.263,26	55.843,51	31.419,75
5	Phí dịch vụ khác	70.551,43	19.474,89	51.076,54
	Tổng cộng	1.077.410,53	931.844,83	145.565,70

Năm 2025

#	Sản phẩm dịch vụ	Năm 2025		
		Doanh thu	Giá vốn	Lợi nhuận gộp
1	Thương mại	878.515,75	843.973,99	34.541,76
2	Cước vận chuyển quốc tế	5.317,29	3.864,86	1.452,43
3	Cước vận chuyển nội địa	66.420,04	45.750,65	20.669,39
4	Thuê kho	94.789,58	60.785,67	34.003,91
5	Phí dịch vụ khác	89.385,23	22.590,49	66.794,74
	Tổng cộng	1.134.427,89	976.965,66	157.462,23